

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VN
TỈNH KH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 01 năm 2022
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN - TỈNH KH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Đỗ Ngọc Quý

. Bà Nguyễn Hồng Khánh Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh KH tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 203/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị N - sinh năm 1984; trú tại: Thôn PC1, xã VP, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T - sinh năm 1985; trú tại: Thôn TC, xã VB, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 09 tháng 6 năm 2021, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/10/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Tấn T tự nguyện kết hôn với nhau, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì vậy đã được Tòa án nhân dân huyện VN giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2008/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2008. Đến năm 2013, chị và anh T tự nguyện quay về

chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp và không tôn trọng nhau nên thường hay xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, khuyên bảo lẫn nhau để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng gay gắt nên cũng kể từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến ai. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Võ Tấn Trung H - sinh ngày 07/8/2007 và Nguyễn Ngọc Thanh Tr - sinh ngày 20/10/2015. Hiện nay các con chung đang sống với chị N. Chị N yêu cầu giải quyết được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Tấn T để trình bày ý kiến về việc chị N khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn T - trú tại thôn TC, xã VB, huyện VN, tỉnh KH; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH. Bị đơn anh Nguyễn Tấn T đã được Tòa án nhân dân huyện VN triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tấn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh Nguyễn Tấn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị N và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị Võ Thị N và anh Nguyễn Tấn T là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 103/2015 ngày 21 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện VN, tỉnh KH, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị Nhị, biên bản xác minh thì vợ chồng chị N, anh T hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh T đều không có mặt, chứng tỏ anh T không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Chị N và anh T đã từng xảy ra mâu thuẫn và được Tòa án nhân dân huyện VN giải quyết cho ly hôn vào ngày 12/5/2008. Đến năm 2013, anh chị quyết định quay về chung sống với nhau và vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị N.

[3] Về con chung: Chị N, anh T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Võ Tấn Trung H - sinh ngày 07/8/2007 và Nguyễn Ngọc Thanh Tr - sinh ngày 20/10/2015. Chị N có yêu cầu được nuôi các con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Các con chung hiện đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu H, cháu Tr đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy việc giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị N. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Võ Thị N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Chị Võ Thị N xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Bị đơn anh Nguyễn Tấn T mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh T.

[7] Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

2. Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Võ Tấn Trung H - sinh ngày 07 tháng 8 năm 2007 và Nguyễn Ngọc Thanh Tr - sinh ngày 20 tháng 10 năm 2015 cho chị Võ Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị N, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003122 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã VP;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vũ Tuyết Mỹ